CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 21/BHC/2022

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm:

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: SỐ 224, ĐƯỜNG HÀ HUY GIÁP, PHƯỜNG TRẤN BIÊN, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM

Điện thoại: 0251.3836199 Fax: 0251.3836213

E-mail: bhc@bhconsumer.com | www.ttcagris.com.vn

Mã số doanh nghiệp 3600495818

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Theo giấy chứng nhận còn hiệu lực của các cơ sở sản xuất sản phẩm đề cập tại mục II.5.3.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm:

ĐƯỜNG MÍA KHOÁNG CHẤT

2. Thành phần:

- Đường mía 98.5%.
- Hỗn hợp các khoáng chất (1%), màu thực phẩm caramel nhóm I (150a).

3. Thời hạn sử dụng của sản phẩm: Sử dụng tốt nhất trước 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất được in trên bao bì.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: túi 1 kg (20 túi 1kg/ bao)
- Vật liệu bao bì đóng gói: Sản phẩm đựng trong bao bì làm từ vật liệu màng PA/PET/PE/PELD đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

5. Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

5.1 Xuất xứ: Việt Nam

5.2 Thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA.

Địa chỉ: Số 224, Đường Hà Huy Giáp, Phường Trấn Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

5.3 Địa chỉ cơ sở sản xuất:

Tên cở sở 1: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA.

Địa chỉ cơ sở 1: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường Trấn Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ "A" sau ngày sản xuất.

Minh họa: NSX/MFG: dd.mm.yy A

Số giấy chứng nhận FSSC: FSSC VN013156-1, nơi cấp Bureau Veritas Certification.

Tên cơ sở 2: CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG- BIÊN HÒA

Địa chỉ cơ sở 2: Ấp Tân Lợi, Xã Tân Phú, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ "G" sau ngày sản xuất.

Minh họa: NSX/MFG: dd.mm.yy G

Số giấy chứng nhận FSSC: VN012479-3, nơi cấp Bureau Veritas Certification.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: đính kèm mẫu nhãn sản phẩm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

1. **Kim loại nặng:** QCVN 8-2:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng Chì	mg/kg	0,5
2	Hàm lượng Thủy Ngân	mg/kg	0,05
3	Hàm lượng Cadimi	mg/kg	1
4	Hàm lượng Asen	mg/kg	1

2. **Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật:** Phù hợp thông tư 50/2016/TT-BYT – Thông tư quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

3. **Tiêu chuẩn của nhà sản xuất:**

3.1 Chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái cảm quan: Tinh thể dạng hạt tương đối đồng đều, các hạt đường ở dạng rời hoặc nén nhẹ theo đặc thù của sản phẩm.
- Mùi vị: Tinh thể đường cũng như dung dịch đường trong nước cất có vị ngọt, đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ, vị lạ.
- Màu sắc: Tinh thể đường có màu vàng sáng đến vàng sậm.

3.2 Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

STT	Tên chỉ	Đơn vị tính	Mức công bố

1	Hàm lượng saccharose	%	≥ 98.5

3.3 Hàm lượng hóa chất không mong muốn:

STT	Tên chỉ	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng SO_2	mg/kg	< 10

3.4 Vi chất bổ sung:

Stt	Tên chỉ	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng Kali (K)	mg/100g	28 ÷ 42
2	Hàm lượng Canxi (Ca)	mg/100g	64 ÷ 96
3	Hàm lượng Magie (Mg)	mg/100g	16 ÷ 25
4	Hàm lượng Sắt (Fe)	mg/100g	1.2 ÷ 1.8

3.5 Thông tin dinh dưỡng /100g:

Stt	Tên chỉ	Đơn vị tính	Mức trung bình
1	Năng lượng	Kcal	396
2	Carbohydrat	g	98.9
3	Đường tổng số	g	98.8

3.6 Vi sinh:

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	Cfu/10g	10.000
2	Tổng số bào tử nấm men, mốc	Cfu/10g	100

4. **Hướng dẫn sử dụng:** Sử dụng trực tiếp hoặc dùng trong chế biến thực phẩm. Giúp bổ sung các khoáng chất K, Ca, Mg và Fe cho cơ thể.

5. **Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản nơi khô ráo thoáng mát. Tránh ánh nắng trực tiếp, nơi có nhiệt độ hay độ ẩm cao.

Chúng tôi xin cam kết thự hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Đồng Nai, ngày 15 tháng 11 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

M.S.D.N: 3600495818 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA TỈNH ĐỒNG NAI

Lê Đình Nghiêm

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH ĐỒNG NAI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

M.S.D.N: 3600495818 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 3600495818

Đăng ký lần đầu: ngày 16 tháng 05 năm 2001

Đăng ký thay đổi lần thứ: 30, ngày 03 tháng 10 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BIEN HOA CONSUMER JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: BIEN HOA CONSUMER JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 224, Đường Hà Huy Giáp , Phường Trấn Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: *0251.3836199* Số Fax: *0251.3836213*

Thư điện tử: *bhs@bhs.vn* Website: *www.bhs.vn*

3. Vốn điều lệ: 3.577.800.000.000 đồng.

Bằng chữ: Ba nghìn năm trăm bảy mươi bảy tỷ tám trăm triệu đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 357.780.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: TRẦN QUẾ TRANG Giới tính: *Nữ*

Ngày, tháng, năm sinh: *08/08/1980* *Quốc tịch: Việt Nam*

Số định danh cá nhân: *095180009939*

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Địa chỉ liên lạc: *173 Thái Phiên , Phường Bình Thới, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH ĐỒNG NAI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Nguyễn Duy Hải

14.5mm | 92mm | 405mm (192mm) | 92mm | 14.5mm

260mm | 231mm

Là một thương hiệu thuộc TTC AgriS, Đường Biên Hòa tự hào mang vị ngọt yêu thương đến gian bếp gia đình Việt suốt hơn 55 năm qua. Lấy cây mía làm nền tảng, Đường Biên Hòa luôn nỗ lực không ngừng để tạo ra các sản phẩm chất lượng cao, phục vụ đa dạng nhu cầu trong chế biến các món ăn, thức uống cũng như đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng.

Bien Hoa Sugar proudly brings natural sweetness to millions of Vietnamese households for the past 55 years. Each product is an endorsement of our dedication to bring you the pure natural sugar, suitable for various types of food and beverage. Creating delicious healthy dish is now just a spoonful away.

SẢN PHẨM CỦA (PRODUCT OF)

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA
Số 224, Đường Hà Huy Giáp, Phường Trấn Biên,
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Website: www.ttcagris.com.vn

BIEN HOA CONSUMER JOINT STOCK COMPANY
224, Ha Huy Giap Street, Tran Bien Ward,
Dong Nai Province, Vietnam

SẢN XUẤT TẠI (MANUFACTURED AT)

CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA
Ấp Tân Lợi, Xã Tân Phú, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

THANH THANH CONG - BIEN HOA JOINT STOCK COMPANY
Tan Loi Hamlet, Tan Phu Commune, Tay Ninh Province, Vietnam

Xuất xứ: Việt Nam
Made in Vietnam

Giữ môi trường sạch đẹp, vui lòng bỏ vào thùng rác sau khi sử dụng.
Keep the environment clean, please put it in the trash after use.

8 935015 510522

TỰ HÀO LÀ THÀNH VIÊN

TTC AgriS | LIÊN MINH TÁI CHẾ BAO BÌ VIỆT NAM

Est. 1969

Biên Hòa

Đường Mía

Khoáng Chất

Ca Fe K Mg

GMO FREE
MÍA KHÔNG BIẾN ĐỔI GEN

KHÔNG CHẤT TẠO MÀU CÔNG NGHIỆP

Tự nhiên & tinh khiết



KHỐI LƯỢNG TỊNH
1 kg

55 NĂM TỰ HÀO THƯƠNG HIỆU VIỆT

Đường Mía
KHOÁNG CHẤT

Tự Nhiên & Tinh Khiết
PURE & NATURAL

Sản phẩm được sản xuất 100% từ cây mía không biến đổi gen, được tăng cường các khoáng chất hữu ích (Canxi, Kali, Magie và Sắt) không chỉ tốt cho sức khỏe mà còn tăng thêm hương vị đậm đà và thơm ngon đặc trưng của món ăn. Đường Mía Khoáng Chất Biên Hòa đồng hành cùng bạn đem đến những món ăn, thức uống ngọt vị yêu thương.

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (/100g)
NUTRITION FACTS (/100 g)

Năng lượng - Energy	396 kcal
Carbohydrat - Carbohydrate	98,9 g
Đường tổng số - Total Sugars	98,8 g
Khoáng chất - Minerals	K, Ca, Mg, Fe
Kali (K) - Potassium (K)	28 - 42 mg/ 100 g
Canxi (Ca) - Calcium (Ca)	64 - 96 mg/ 100 g
Magie (Mg) - Magnesium (Mg)	16 - 25 mg/ 100 g
Sắt (Fe) - Iron (Fe)	1,7 - 1,8 mg/ 100g

THÀNH PHẦN
INGREDIENTS

Đường mía - Cane sugar	98,5 %
Hỗn hợp các khoáng chất	1 %
Phụ gia thực phẩm nhân tạo (INS150a)	

HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN
STORAGE INSTRUCTIONS

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát.
Store in cool and dry place.
Tránh ánh nắng trực tiếp và nơi có nhiệt độ hay độ ẩm cao.
Keep away from direct sunlight, heat or high moisture.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG
USAGE INSTRUCTIONS

Sử dụng trực tiếp hoặc dùng trong chế biến thực phẩm. Giúp bổ sung các khoáng chất K, Ca, Mg, và Fe cho cơ thể.
Use directly or use in food processing. Minerals K, Ca, Mg and Fe added.

HẠN SỬ DỤNG
EXPIRY DATE

Sử dụng tốt nhất trước: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.
Best before 24 months from production date.
Ngày sản xuất được in trên bao bì.
Production date is printed on product package.

THÔNG TIN CẢNH BÁO
WARNINGS

Không sử dụng sản phẩm khi có dấu hiệu hư hỏng.
Do not use the product when it shows signs of damage.

HOTLINE
1800 599 900

HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO

HALAL

3600495818-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

Lê Hồng Phong

Lê Đình Nghiêm

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1220600678-1

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name* : **CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA**
2. **Địa chỉ**/ *Client's Address* : Khu công nghiệp Biên hòa 1, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai
3. **Ngày nhận mẫu**/ *Date sample(s) received* : 10/06/2022
4. **Ngày phân tích mẫu**/ *Date of Performance of Test* : 10/06/2022
5. **Ngày trả kết quả**/ *Date of Issue* : 15/06/2022
6. **Thông tin mẫu**/ *Name of Sample* : **ĐƯỜNG MÍA KHOÁNG CHẤT**
7. **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong túi nhựa
8. **Ghi chú**/ *Note* :
9. **Bảng kết quả**/ *Results Table* :

STT/ *No.*		Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
1	LS	Trạng thái / Characteristic	Dạng tinh thể, khô, không vón cục	-	-	TS-KT-HCB-164:2020
2	LS	Mùi, vị / Odor, Taste	Vị ngọt đặc trưng của sản phẩm. Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-HCB-164:2020
3	LS	Màu sắc / Colour	Tinh thể đường có màu vàng nâu	-	-	TS-KT-HCB-164:2020
4	LS	Saccharose / Saccharose	98.9	%	-	TS-KT-SK-66:2018
5	LS	Độ ẩm (*) / Moisture (*)	0.229	%	-	TS-KT-HCB-005:2018
6	LS	Kali (K) (*) / Potassium (K) (*)	34.5	mg/100g	-	TS-KT-QP-01:2018 (Ref. TCVN 9588:2013 AOAC 999.11)
7	LS	Canxi (Ca) (*) / Calcium (Ca) (*)	77.9	mg/100g	-	TS-KT-QP-01:2018 (Ref. TCVN 9588:2013 AOAC 999.11)
8	LS	Magie (Mg) (*) / Magnesium (Mg) (*)	19.9	mg/100g	-	TS-KT-QP-01:2018 (Ref. TCVN 9588:2013 AOAC 999.11)
9	LS	Sắt (Fe) (*) / Iron (Fe) (*)	1.51	mg/100g	-	TS-KT-QP-01:2018 (Ref. TCVN 9588:2013 AOAC 999.11)
10	LS	Carbohydrate (*) / Carbohydrate (*)	99.5	%	-	TS-KT-HCB-004:2020

TSL SCIENCE CO.,LTD
Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam
Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam
Telephone: (+84) 28.3810.4336 **Website: http://tsl-net.com.vn**

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ *This report will not be reproducted except in full, without approval of TSL.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1220600678-1

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*		Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
11	LS	Năng lượng / Calories	398	kcal/100g	-	Calculate (included testing fat, carbohydrate, protein, food composition)
12	LS	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)
13	LS	Tổng số bào tử nấm men nấm mốc / Total spores of yeasts and moulds	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	Ref. TCVN 8275-2 : 2010 (ISO 21527-2 : 2008)
14	LS	Coliforms (*) / Coliforms (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)
15	LS	Clostridium perfringens (*) / Clostridium perfringens (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)
16	LS	Salmonella spp. (*) / Salmonella spp. (*)	Không phát hiện/ Not Detected	/25g	-	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)
17	LS	Asen (As) (*) / Arsenic (As) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
18	LS	Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
19	LS	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
20	LS	Aflatoxin (tổng B_1,B_2,G_1,G_2) (*) / Aflatoxin (sum of B_1,B_2,G_1,G_2) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.45	TS-KT-SK-38:2019 (Ref. TCVN 10638:2014)
21	LS	Aflatoxin B_1 (*) / Aflatoxin B_1 (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.45	TS-KT-SK-38:2019 (Ref. TCVN 10638:2014)
22	LS	Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected	MPN/g	0	TCVN 7924-3:2017 (ISO 16649-3:2015)
23	LS	Staphylococcus aureus / Staphylococcus aureus	Không phát hiện/ Not Detected	MPN/g	0	TCVN 7927: 2008 (AOAC 987.09)

Chú thích/ *Remarks*:

1.(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN HỮU TRUYỀN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

M.S.D.N:0314212615 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

HỒ THỊ THANH PHƯƠNG

TSL SCIENCE CO.,LTD
Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam
Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam
Telephone: (+84) 28.3810.4336 **Website: http://tsl-net.com.vn**

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ *This report will not be reproducted except in full, without approval of TSL.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1220901262-1

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name* : **CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA**
2. **Địa chỉ**/ *Client's Address* : Khu công nghiệp Biên hòa 1, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai
3. **Ngày nhận mẫu**/ *Date sample(s) received* : 23/09/2022
4. **Ngày phân tích mẫu**/ *Date of Performance of Test* : 23/09/2022
5. **Ngày trả kết quả**/ *Date of Issue* : 28/09/2022
6. **Thông tin mẫu**/ *Name of Sample* : **ĐƯỜNG ORGANIC**
7. **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong túi nhựa
8. **Ghi chú**/ *Note* :
9. **Bảng kết quả**/ *Results Table* :

STT/ *No.*		Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
1	LS	Sunfua dioxit (SO_2) (*) / Sulfur dioxide (SO_2) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	1	TS-KT-HCB-42:2020

Chú thích/ *Remarks*:
1.(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2.(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN HỮU TRUYỀN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

HỒ THỊ THANH PHƯƠNG

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ *This report will not be reproducted except in full, without approval of TSL.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1220901262-2

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name* : **CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA**
2. **Địa chỉ**/ *Client's Address* : Khu công nghiệp Biên hòa 1, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai
3. **Ngày nhận mẫu**/ *Date sample(s) received* : 23/09/2022
4. **Ngày phân tích mẫu**/ *Date of Performance of Test* : 23/09/2022
5. **Ngày trả kết quả**/ *Date of Issue* : 28/09/2022
6. **Thông tin mẫu**/ *Name of Sample* : **ĐƯỜNG MÍA KHOÁNG CHẤT**
7. **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong bao bì kín
8. **Ghi chú**/ *Note* :
9. **Bảng kết quả**/ *Results Table* :

STT/ *No.*		Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
1	LS	Sunfua dioxit (SO_2) (*) / Sulfur dioxide (SO_2) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	1	TS-KT-HCB-42:2020

Chú thích/ *Remarks*:
1.(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2.(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN HỮU TRUYỀN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

M.S.D.N: 0314212618 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

HỒ THỊ THANH PHƯƠNG

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ *This report will not be reproducted except in full, without approval of TSL.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1220901262-3

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name* : **CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA**
2. **Địa chỉ**/ *Client's Address* : Khu công nghiệp Biên hòa 1, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai
3. **Ngày nhận mẫu**/ *Date sample(s) received* : 23/09/2022
4. **Ngày phân tích mẫu**/ *Date of Performance of Test* : 23/09/2022
5. **Ngày trả kết quả**/ *Date of Issue* : 28/09/2022
6. **Thông tin mẫu**/ *Name of Sample* : **ĐƯỜNG TINH LUYỆN ĐẶC BIỆT**
7. **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong túi nhựa
8. **Ghi chú**/ *Note* :
9. **Bảng kết quả**/ *Results Table* :

STT/ *No.*		Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
1	LS	2,4-D (*) / 2,4-D (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.01	TS-KT-SK-09:2020
2	LS	Aldicarb (*) / Aldicarb (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.3	TS-KT-SK-09:2020
3	LS	Azinphos-methyl (*) / Azinphos-methyl (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.0015	TS-KT-SK-14:2020
4	LS	Cypermethrin (sum of isomers) (*) / Cypermethrin (sum of isomers) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-14:2020
5	LS	Ethoprophos / Ethoprophos	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.01	TS-KT-SK-14:2020
6	LS	Tebufenozide (*) / Tebufenozide (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-09:2020
7	LS	Propiconazole (*) / Propiconazole (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-14:2020
8	LS	Chlorantraniliprole (*) / Chlorantraniliprole (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-09:2020
9	LS	Clothianidin (*) / Clothianidin (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-09:2020
10	LS	Cyhalothrin (Sum Gamma + lamda) (*) / Cyhalothrin (Sum Gamma + lamda) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-14:2020
11	LS	Glyphosate / Glyphosate	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.01	TS-KT-SK-92:2020

TSL SCIENCE CO.,LTD
Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam
Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam
Telephone: (+84) 28.3810.4336 **Website: http://tsl-net.com.vn**

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ *This report will not be reproducted except in full, without approval of TSL.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1220901262-3

STT/ *No.*		Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
12	LS	Imazapic / Imazapic	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.01	TS-KT-SK-92:2020
13	LS	Isoxaflutole / Isoxaflutole	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.01	TS-KT-SK-09:2020
14	LS	Mesotrione / Mesotrione	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.01	TS-KT-SK-09:2020
15	LS	Novaluron (*) / Novaluron (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-09:2020
16	LS	Trinexapac-ethyl (*) / Trinexapac-ethyl (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.0015	TS-KT-SK-14:2020
17	LS	Dicamba (**) / Dicamba (**)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	CASE.SK.0122
18	LS	Carbofuran (*) / Carbofuran (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-14:2020

Chú thích/ *Remarks*:

1.(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN HỮU TRUYỀN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

HỒ THỊ THANH PHƯƠNG

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ *This report will not be reproducted except in full, without approval of TSL.*